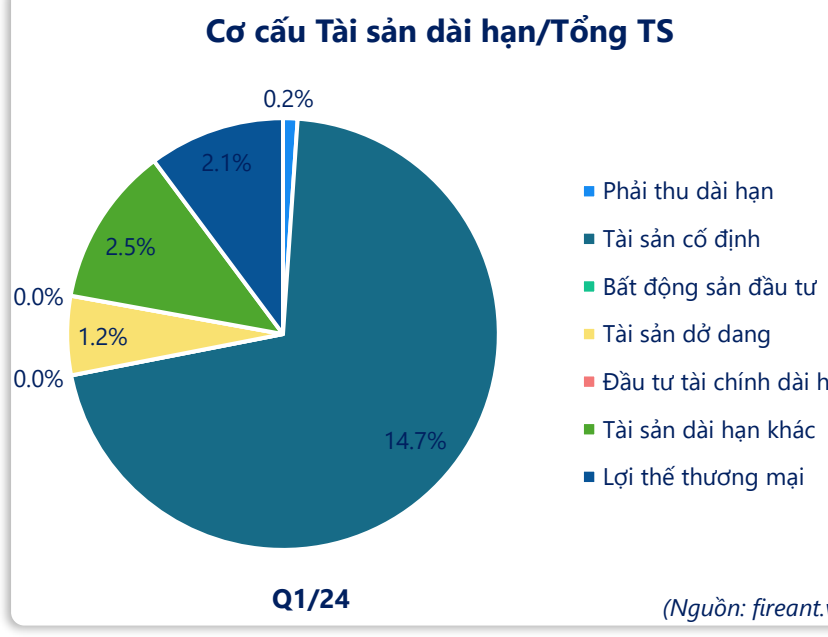
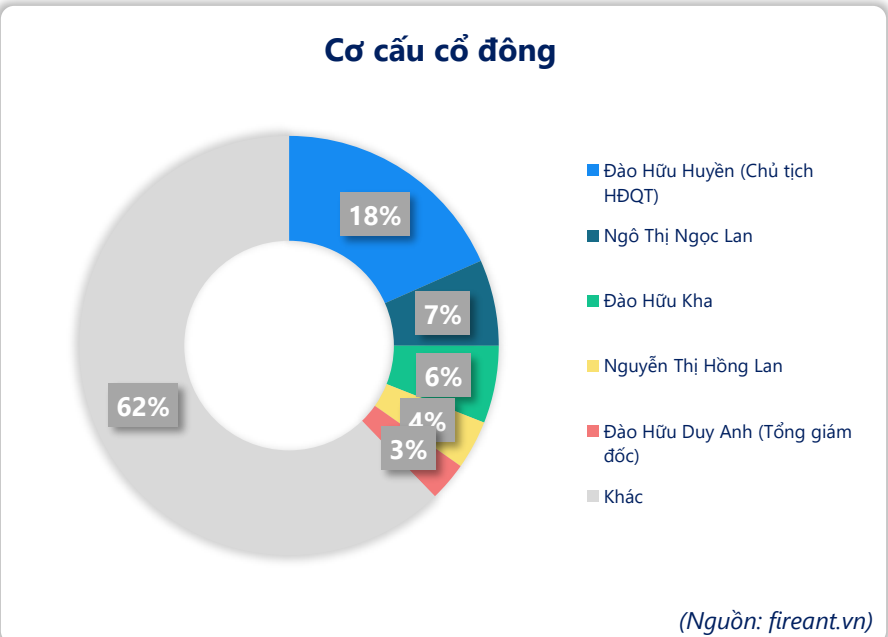
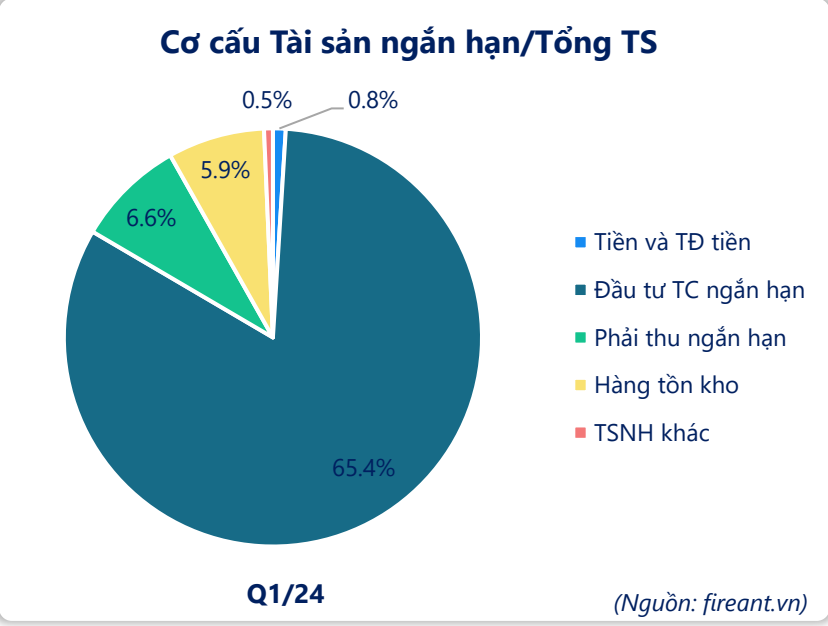
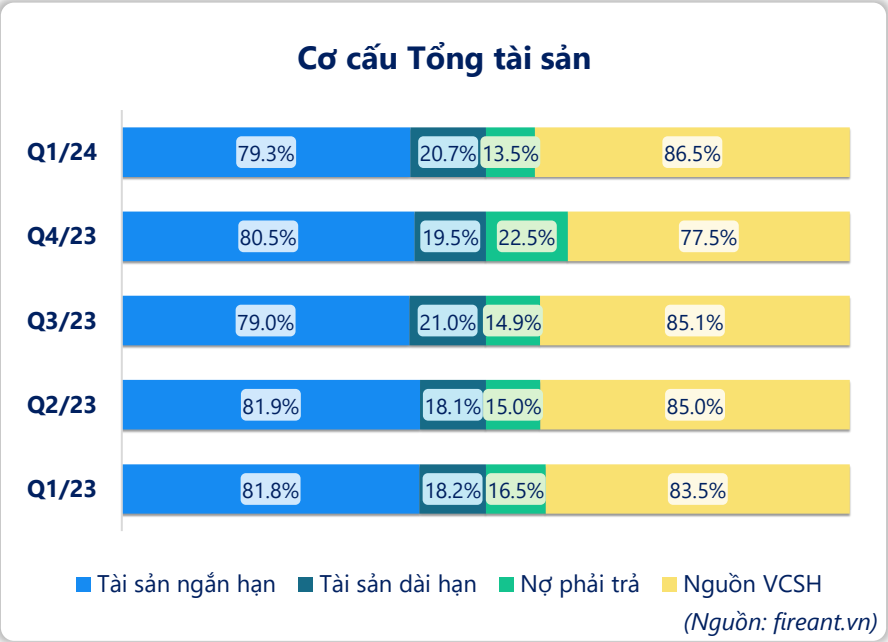
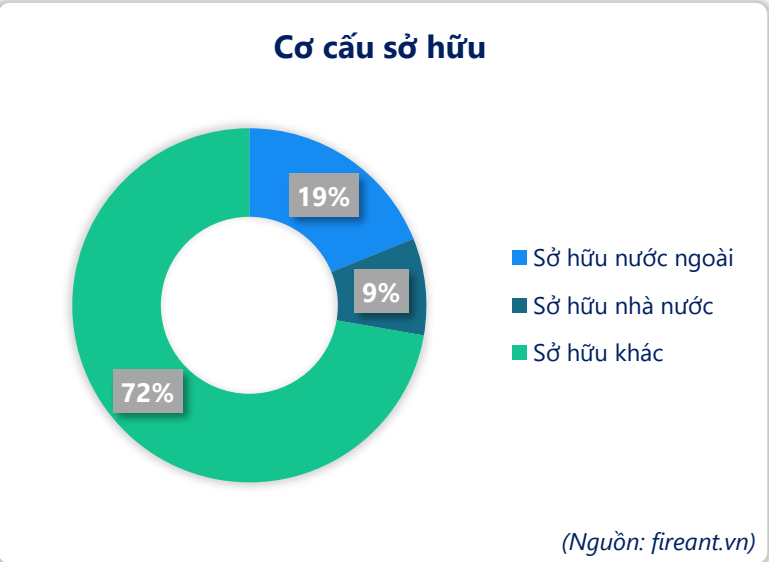
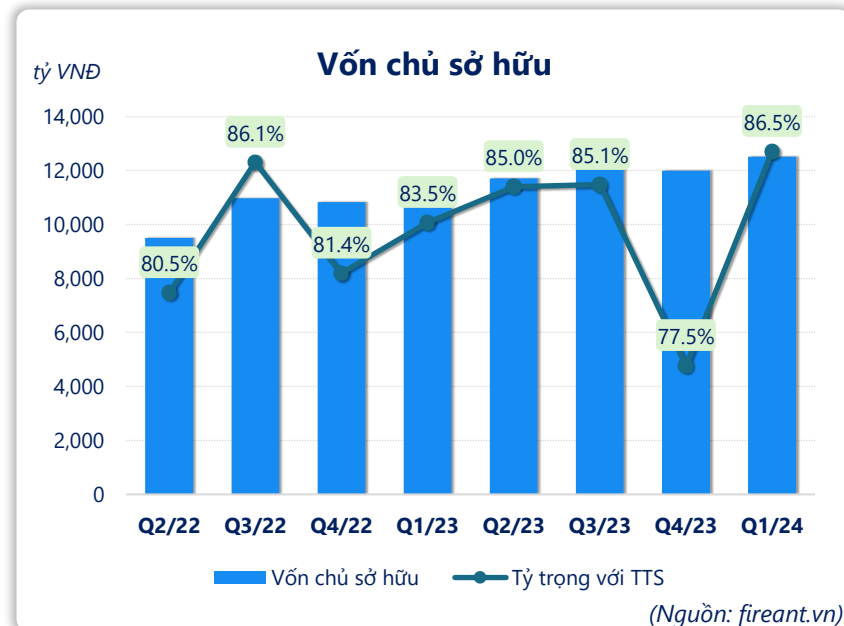
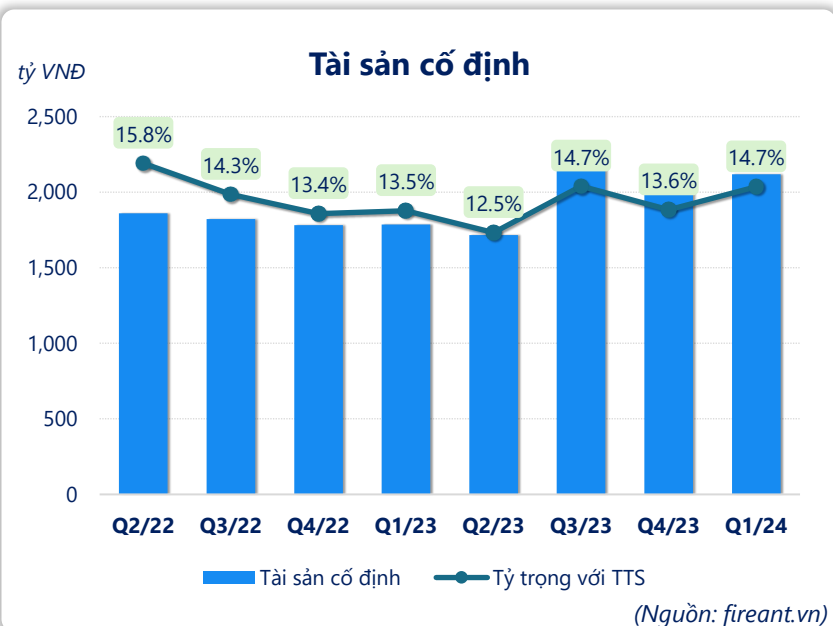
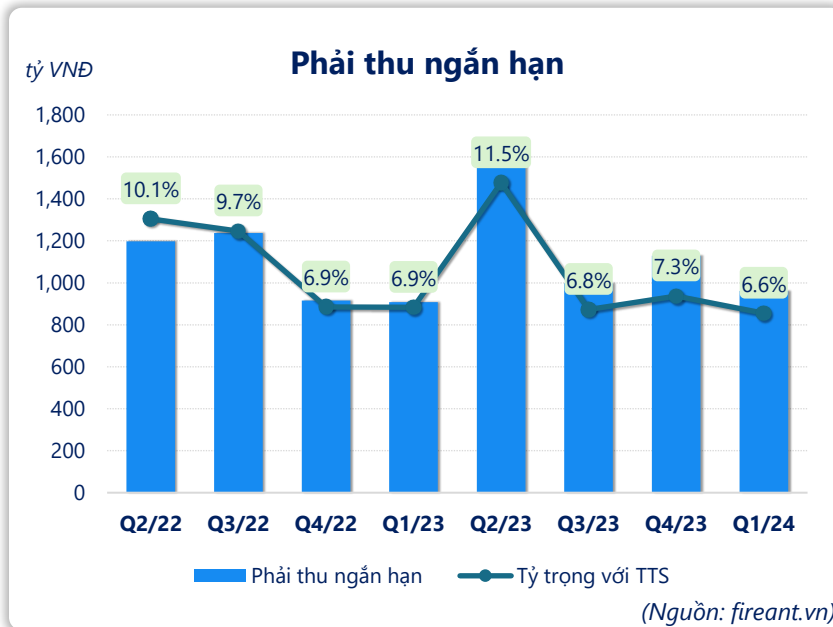
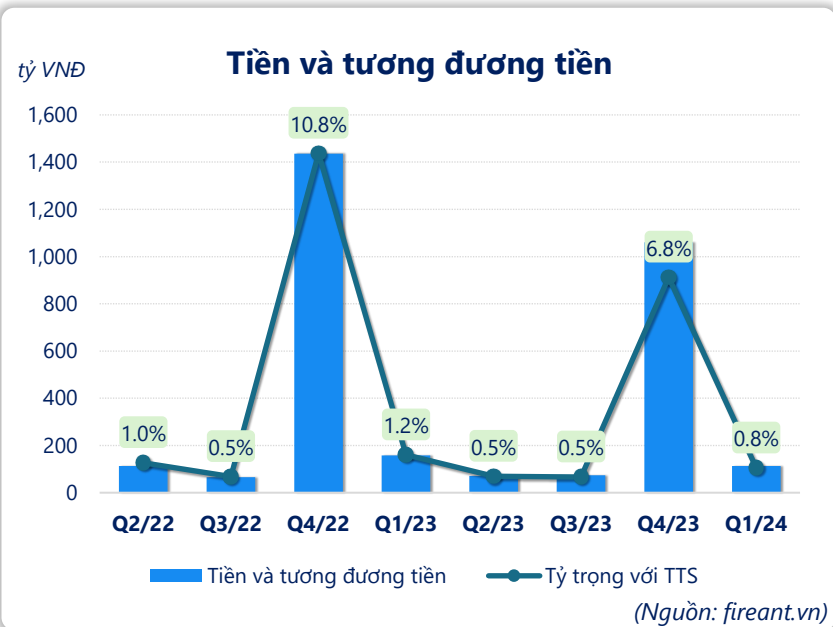
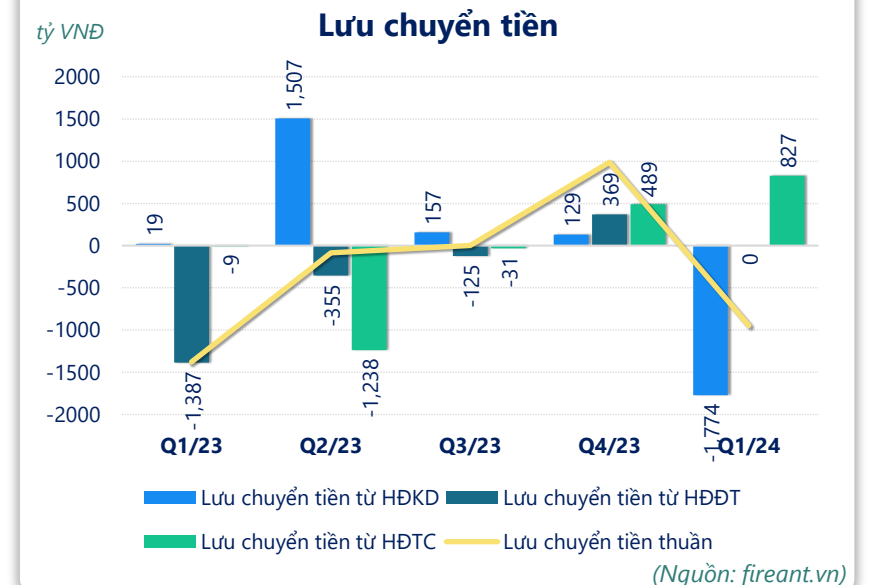
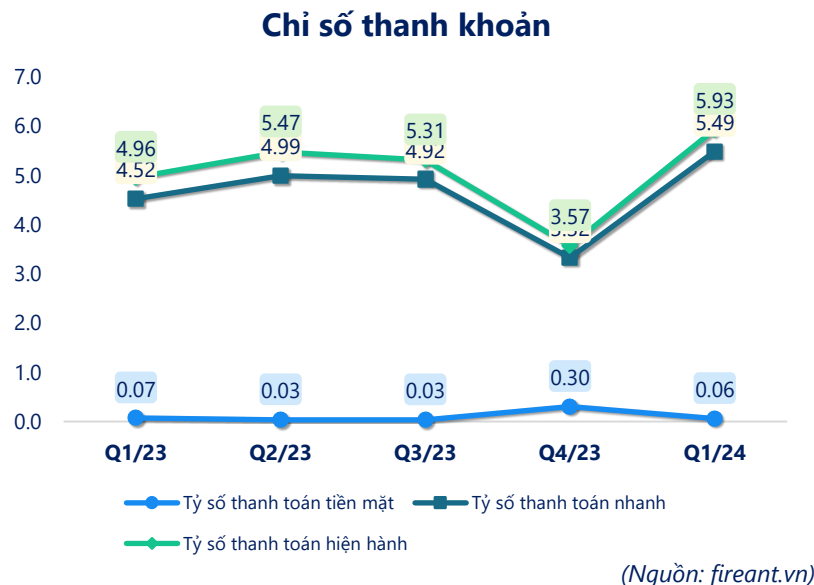
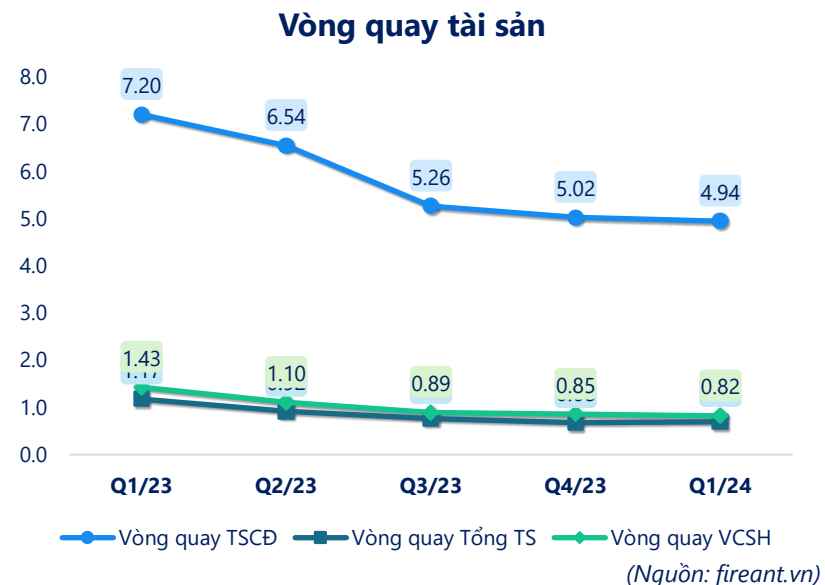
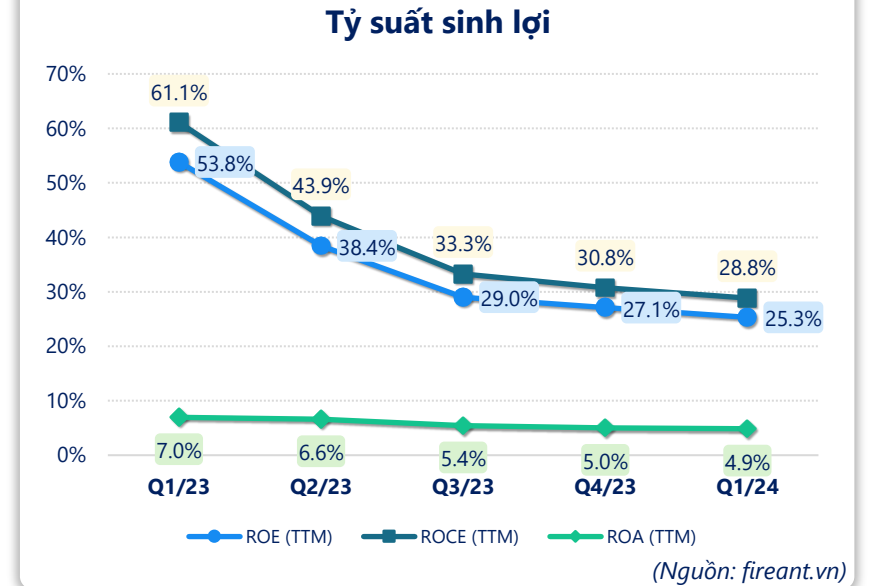
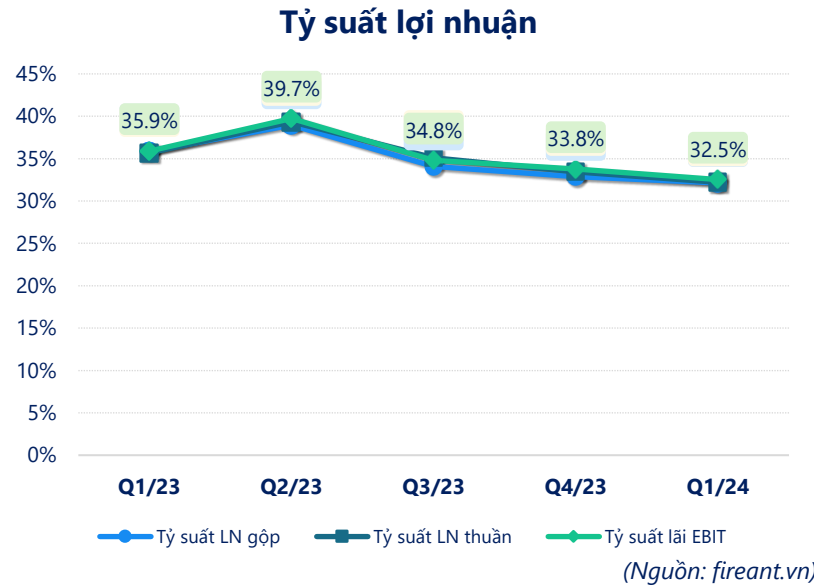
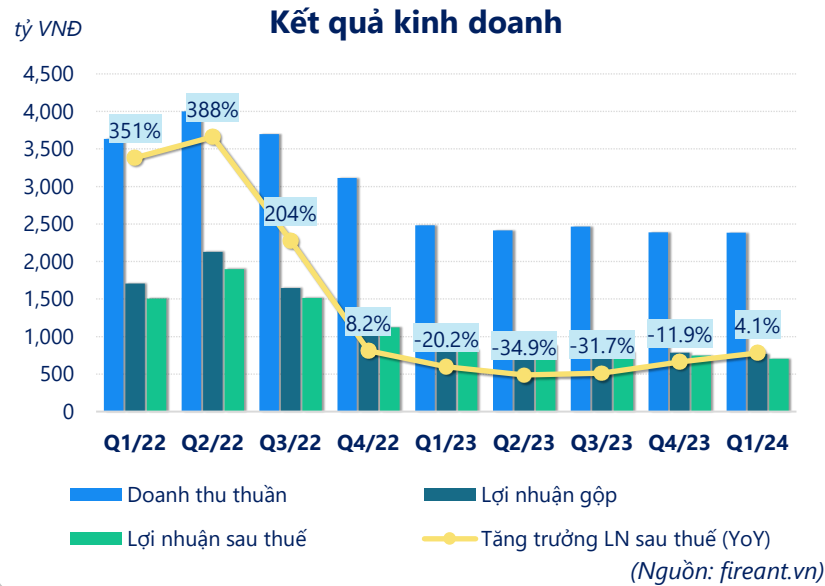


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		123,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		128,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		48,594
SL cổ phiếu LH		379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,588,279
% sở hữu nước ngoài		18.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		46,865
P/E		15.7
EPS		7,845

	YTD	1T	3T	6T
DGC	31.6%	10.1%	31.1%	36.3%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	14,459	15,536	-6.9%
Tài sản ngắn hạn	11,468	12,467	-8.0%
Tiền và tương đương tiền	113	1,061	-89.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,457	9,342	1.2%
Phải thu ngắn hạn	961	1,130	-14.9%
Hàng tồn kho	859	855	0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	78.3	79.7	-1.7%
Tài sản dài hạn	2,990	3,069	-2.6%
Phải thu dài hạn	32.5	31.2	4.1%
Tài sản cố định	2,118	2,144	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	177	225	-21.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	358	356	0.5%
Lợi thế thương mại	305	313	-2.7%
Nợ phải trả	1,949	3,509	-44.5%
Nợ ngắn hạn	1,934	3,493	-44.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	921	1,328	-30.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	261	190	37.2%
Nợ dài hạn	14.9	16.1	-7.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	12,510	12,027	4.0%
Vốn chủ sở hữu	12,510	12,027	4.0%
Vốn điều lệ	3,798	3,798	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	2,483	2,414	2,464	2,388	2,385
Giá vốn hàng bán	1,593	1,473	1,624	1,603	1,619
Lợi nhuận gộp	890	940	840	784	766
Doanh thu HĐTC	164	181	203	194	165
Chi phí TC	20.0	24.8	21.9	35.6	18.0
Chi phí lãi vay	6.81	8.86	8.37	7.72	6.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	115	108	118	95.4	105
Chi phí QLDN	34.0	39.1	39.1	49.3	40.4
LN thuần từ HĐKD	886	950	864	798	768
Lợi nhuận khác	-1.12	0.50	-15.8	0.13	1.26
LN trước thuế	885	950	849	799	769
Lợi nhuận sau thuế	823	879	788	746	704
LNST của CĐ cty mẹ	787	841	746	720	673

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.9	1,507	157	129	-1,774
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,387	-355	-125	369	-0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.90	-1,238	-31.0	489	827
Tiền đầu kỳ	1,535	158	71.5	73.2	1,061
Lưu chuyển tiền thuần	-1,377	-86.3	1.07	987	-947
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.60	0.60	0.00	0
Tiền cuối kỳ	158	71.5	73.2	1,061	113

(Nguồn: fireant.vn)